

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **169/2023/HC-PT**

Ngày: 24-5-2023

V/v: “*Kiến Hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai và
yêu cầu bồi thường thiệt hại*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trương Minh Tuấn**

Các Thẩm phán: ông **Trương Công Thi**

ông **Phạm Tồn**

- Thư ký phiên tòa: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Đình Văn Chánh**; Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và điểm cầu thành phần trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2022/TLPT-HC ngày 17 tháng 10 năm 2022 về “*Kiến Hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại*”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 63/2022/HCST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

* *Người khởi kiện:* Bà Lê Thị Q, ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Đình M, ông Nguyễn Đình Tr;

Cùng trú tại địa chỉ: 626 đường L, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

- Bà Nguyễn Thị Thu H1; địa chỉ: 112 Lê Quý Đôn, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

+ Ông Võ Đình S. Địa chỉ: 170 đường S1, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

+ Ông Nguyễn Đình P. Địa chỉ: 77 đường Y, phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

** Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Văn H2 – Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố B – Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đại Th – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND thành phố B – Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ trụ sở: Số 01 đường L1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B: Ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B – Có mặt.

Địa chỉ trụ sở: Số 01 đường L1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố B. Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Văn C – Chức vụ: Giám đốc;

Địa chỉ trụ sở: 327 đường H2, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Võ Đình S, ông Nguyễn Đình Phường trình bày:

- UBND thành phố B thu hồi đất ở của gia đình của người khởi kiện tại Quyết định 2402/QĐ-UBND ngày 14/11/2007.

Phương án bồi thường được phê duyệt tại Quyết định số: 1256/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND thành phố B. Trong đó, có các hộ thành viên trong gia đình gồm: ông Nguyễn Đình Tr (chồng) Nguyễn Thị D, Nguyễn Đình M, Nguyễn Thị Thu H1, Nguyễn Minh C.

+ Số tiền bà Q được bồi thường về đất đai và tài sản trên đất tại Quyết định 1256 nêu trên là 731.284.776 đồng làm tròn là: 731.285.000 đồng.

+ Số tiền ông M được bồi thường về đất đai và tài sản trên đất tại Quyết định 1256 nêu trên là 532.922.340 đồng làm tròn là: 532.922.000 đồng.

+ Số tiền ông Tr được bồi thường về đất đai và tài sản trên đất tại Quyết định 1256 nêu trên là 692.613.560 đồng làm tròn là: 692.614.000 đồng.

+ Số tiền bà D được bồi thường về đất đai và tài sản trên đất tại Quyết định 1256 nêu trên là 486.398.455 đồng làm tròn là: 486.398.000 đồng.

+ Số tiền bà H1 được bồi thường về đất đai và tài sản trên đất tại Quyết định 1256 nêu trên là 479.124.637 đồng làm tròn là: 479.124.000 đồng.

+ Số tiền ông C được bồi thường về đất đai và tài sản trên đất tại Quyết định 1256 nêu trên là 366.616.807 đồng làm tròn là: 366.616.000 đồng.

Số tiền này cho đến nay những người trên chưa nhận được vì Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B đã nộp lại về ngân sách của thành phố B trước đó vào ngày 01/12/2010.

Đối với số tiền chi trả bồi thường từ năm 2009 cho đến năm 2019, UBND thành phố B mới làm công văn xin ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk bố trí kinh phí chi trả tiền bồi thường cho những hộ trên.

Ngày 27/12/2019 UBND tỉnh Đắk Lắk mới có quyết định 9943/QĐ-UBND về việc chi trả tiền bồi thường cho 03 hộ dân: Nguyễn Đình M, Nguyễn Thị Thu H1 và Nguyễn Minh C để khấu trừ vào tiền sử dụng đất bố trí tái định cư nhưng vẫn không chi trả đủ số tiền. Hiện đang chờ UBND tỉnh Đắk Lắk bố trí lại kinh phí bồi thường.

Lẽ ra, UBND thành phố B và tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng phải chuyển khoản tiền chi trả này vào tài khoản riêng cho những hộ trên mở tại ngân hàng để làm căn cứ cho việc giải quyết khiếu kiện sau này, theo quy định tại khoản 3 Điều 58 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của chính phủ. Quy định bổ sung về việc cấp giấy CNQSD đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại thì mới đúng pháp luật.

Ngoài ra, còn một số tài sản đã kiểm đếm có biên lai xác nhận nhưng chưa đưa vào phương án bồi thường.

Điều này những người khởi kiện đã khởi kiện tại Tòa án tỉnh Đắk Lắk trong một vụ án hành chính trước đó. Bản án số: 60/2018/HC-ST của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tuyên xử. Nội dung tại mục: [1.2] Giành quyền khởi kiện thành một vụ kiện khác cho bà Lê Thị Q, ông Nguyễn Minh C, bà Nguyễn Thị D và bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Đình M, ông Nguyễn Đình Tr đối với việc Ủy ban nhân dân thành phố B đã chuyển trả số tiền bồi thường, hỗ trợ theo quyết định của ủy ban nhân dân thành phố B về ngân sách nhà nước sau khi ông Tr bà Q và 04 người con đến nhận tiền mà không được chi trả kịp thời và nếu có thiệt hại xảy ra.

Căn cứ yêu cầu chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư. Theo quy định tại khoản 1,2 Điều 93: chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của Luật đất đai 2013. Được hướng dẫn tại Điều 30, Nghị định số: 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Nghị định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

+ Thời hạn 30 ngày phải chi trả tiền bồi thường kể từ ngày ban hành: Quyết định 1256/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố B là ngày: 18/6/2009.

+ Số ngày được thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

- Đối với ông C. Tạm tính từ ngày 18/06/2009 đến ngày khởi kiện: 05/02/2020 là 3.878 ngày. Mức phạt %/ngày x 0,05%.

- Đối với ông C. Tạm tính từ ngày 18/06/2009 đến ngày khởi kiện: 17/01/2020 là 3.860 ngày. Mức phạt %/ngày x 0,05%.

- Đối với ông Tr Tạm tính từ ngày 18/06/2009 đến ngày khởi kiện: 25/02/2022 là 4.627 ngày. Mức phạt %/ngày x 0,05%.

- Đối với bà D Tạm tính từ ngày 18/06/2009 đến ngày khởi kiện: 25/02/2022 là 4.627 ngày. Mức phạt %/ngày x 0,05%.

- Đối với ông M Tạm tính từ ngày 18/06/2009 đến ngày khởi kiện: 17/01/2022 là 3.860 ngày. Mức phạt %/ngày x 0,05%.

- Đối với bà Q Tạm tính từ ngày 18/06/2009 đến ngày khởi kiện: 25/02/2022 là 4.627 ngày. Mức phạt %/ngày x 0,05%.

Do đó, đề nghị Tòa án tuyên buộc UBND thành phố B phải thực hiện hành vi hành chính: Thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ theo Quyết định 1256/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của Ủy ban nhân dân thành phố B và thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả như đã nêu trên.

2. Người bị kiện UBND thành phố B trình bày:

Sau khi có kinh phí bồi thường, hỗ trợ. Ngày 10/8/2009, 14/8/2009, 19/8/2009 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng, nay là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố đã 03 lần gửi giấy mời mời hộ ông Nguyễn Đình Tr, vợ là bà Lê Thị Q cùng 04 người con là Nguyễn Đình M, Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Thu H1 đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và thực hiện di dời bàn

giao mặt bằng để thi công công trình. Nhưng gia đình ông Tr bà Q và những người con không đến nhận tiền với lý do đang khiếu nại về bồi thường đất.

Ngày 14/8/2009 UBND thành phố B có Thông báo số 130/TB –UBND gửi cho các hộ dân có đất thu hồi, đề nghị các hộ thực hiện di dời tài sản và vật kiến trúc ra khỏi khu vực đất đã có quyết định thu hồi đất để xây dựng Công trình.

Ngày 11/9/2009 đại diện Ban bồi thường GPMB, UBMT tổ quốc – HĐND –UBND phường K mời hộ ông Nguyễn Đình Tr. Vợ bà Lê Thị Q cùng 4 người con là Nguyễn Đình M, Nguyễn Minh C, Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Thu H1 đến họp vận động các hộ nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và thực hiện di dời bàn giao mặt bằng nhưng các cá nhân nói trên không đến nhận tiền bồi thường hỗ trợ và cũng không thực hiện di dời bàn giao mặt bằng. Do đó, UBND thành phố đã thực hiện cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông Tr, bà Q và 4 người con.

Căn cứ khoản 3, Điều 58 Nghị Định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính Phủ, sau nhiều lần thông báo thì hộ ông Tr, bà Q và 4 người con vẫn không đến nhận tiền. Do đó, trung tâm phát triển quỹ đất đã chuyển trả số tiền trên vào Ngân sách thành phố tại Kho bạc Nhà nước B vào ngày 01/12/2010 là đúng quy định (kèm theo công văn số 240/CV- TTPTQĐ ngày 09/10/2018 của Trung tâm phát triển Quỹ đất về việc trả lời đơn xác nhận của các hộ).

Việc chuyển trả số tiền bồi thường, hỗ trợ trên vào Ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước B cũng được thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh Đắk Lắk tại Thông báo số 168/TB-UBND ngày 13/9/2011 “Kết luận của Đ/c Đinh Văn Khiết – Phó chủ tịch UBND tỉnh về giải quyết vướng mắc liên quan đến dự án xây dựng Trạm dừng nghỉ, Bến xe ô tô phía Nam thành phố B” để kết thúc việc bồi thường, hỗ trợ Giải phóng mặt bằng đối với dự án này.

Như vậy, việc thực hiện gửi giấy mời chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với các hộ, cá nhân nói trên là đúng quy định hiện hành. Việc người khởi kiện đề nghị thanh toán thêm 1 khoản tiền chậm nộp theo quy định của Luật quản lý thuế cho người khởi kiện từ ngày 18/6/2009 - 25/02/2022 là không có căn cứ. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND thành phố B ông Phạm Văn Thái trình bày: Đồng ý với quan điểm của UBND thành phố B trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của những người khởi kiện theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 63/2022/HCST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk quyết định.

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a, b khoản 2 Điều 193 và Điều 206 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3, Điều 58 Nghị Định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014; Quyết định số 30/2005/QĐ-BTC ngày 26/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Điều 14 Quyết định số 31/2005/QĐ-UB ngày 25/4/2005 và Điều 20 Quyết định 02/2010/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Tr, bà Lê Thị Q, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Đình M.

Buộc UBND thành phố B phải chi trả khoản tiền bồi thường, hỗ trợ còn thiếu tại Quyết định phê duyệt phương án số 1256/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND thành phố B cho ông Nguyễn Đình Tr số tiền 692.613.560 đồng, bà Lê Thị Q số tiền 731.284.776 đồng, bà Nguyễn Thị D số tiền 486.398.455 đồng, ông Nguyễn Minh C số tiền còn lại là 274.597.784 đồng theo đúng quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Q, ông Nguyễn Đình Tr, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Đình M, ông Nguyễn Minh C về việc buộc UBND thành phố B chi trả thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Trong hạn luật định ông Võ Đình S và ông Võ Đình Phương là người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện kháng cáo bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm: Ông S và ông Phương vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo, yêu cầu khởi kiện buộc UBND thành phố B phải trả thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

Trong phần phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Luật Tổ tụng hành chính, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án, đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Võ Đình S và ông Võ Đình Phương giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của các đương sự; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 14/8/2009, UBND thành phố B có Thông báo số 130/TB – UBND gửi cho các hộ dân có đất thu hồi, đề nghị các hộ thực hiện di dời tài sản và vật kiến trúc ra khỏi khu vực đất đã có quyết định thu hồi đất để xây dựng Công trình. Ngày 19/8/2009 Ban bồi thường giải phóng mặt bằng (nay là Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B) có giấy mời bà Nguyễn Thị Thu H1 (lần 3) đến nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và thực hiện di dời bàn giao mặt bằng để thi công công trình.

Tại biên bản làm việc về việc vận động di dời bàn giao mặt bằng ngày 11/9/2009 có sự tham gia của các hộ, chủ trì cuộc họp đã nêu thông báo số 130/TB-UBND ngày 14/8/2009 nêu trên, trong đó có nội dung yêu cầu các hộ dân đến nhận tiền nhưng gia đình ông Tr, bà Q và những người con không đến nhận tiền.

Do đó, UBND thành phố đã thực hiện cưỡng chế thu hồi đất với hộ ông Tr, bà Q và 4 người con.

[2] Xét đơn kháng cáo của người khởi kiện; Hội đồng xét xử xét thấy.

Người khởi kiện có yêu cầu về chi trả số tiền bồi thường, hỗ trợ và yêu cầu chi trả thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả: Toà án cấp sơ thẩm đã chấp nhận một phần yêu cầu của người khởi kiện. Đối với yêu cầu chi trả thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại khoản 3, Điều 58 Nghị Định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ quy định bổ sung về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất, thực hiện quyền sử dụng đất, trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại về đất đai quy định như sau: “3. Trường hợp người bị thu hồi đất không nhận tiền chi trả về bồi thường, hỗ trợ, không nhận nhà hoặc đất tái định cư thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chuyển khoản tiền chi trả vào tài khoản riêng mở tại Ngân hàng và giữ nguyên nhà hoặc đất tái định cư để làm căn cứ cho việc giải quyết khiếu nại sau này (nếu có)” (tại điểm đ Khoản 2 Điều 41 Nghị định 69/2009/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/10/2009 quy định Điều 58 Nghị Định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 đã bị bãi bỏ).

Tại Thông báo số 168/TB-UBND ngày 13/9/2011 “Kết luận của Đ/c Đinh Văn Khiết – Phó chủ tịch UBND tỉnh về giải quyết vướng mắc liên quan đến dự án xây dựng Trạm dừng nghỉ, Bến xe ô tô phía Nam thành phố B” đã thông báo “Trường hợp hộ nào không nhận tiền thì chuyển số tiền đó vào tài khoản tạm gửi ở Kho bạc Nhà nước và kết thúc việc bồi thường, hỗ trợ Giải phóng mặt bằng đối với dự án này”. Tuy nhiên, trước đó vào ngày 01/12/2010, Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố B đã chuyển trả số tiền trên vào Ngân sách thành phố tại Kho bạc Nhà nước B.

Tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: “Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt” và điều khoản này được Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn tại khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 như sau: “Đối với dự án đầu tư đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng đến trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 chưa thực hiện chi trả tiền bồi thường thì việc xử lý bồi thường chậm thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014”.

Nhận thấy, trường hợp gửi số tiền trên vào tài khoản tạm gửi ở Kho bạc Nhà nước, căn cứ theo quy định tại Quyết định số 30/2005/QĐ-BTC ngày 26/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Thông tư số 109/2011/TTBTC ngày 01/8/2011; Thông tư số 61/2014/TT-BTC ngày 12/5/2014 thì số tiền tạm gửi vào tài khoản kho bạc Nhà nước không được hưởng lãi. Trong trường hợp nếu gửi tiền vào tài khoản tại Ngân hàng, tại thời điểm ban hành Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ...cũng không có văn bản quy phạm pháp luật quy định tính lãi với số tiền bồi thường, hỗ trợ trong trường hợp này. Bản án sơ thẩm đã viện dẫn, áp dụng pháp luật để không chấp nhận yêu cầu nêu trên của người khởi kiện là có căn cứ đúng pháp luật; do vậy đơn kháng cáo của người khởi kiện không có căn cứ được chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

[4] Về án phí: Người kháng cáo phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a, b khoản 2 Điều 193 và Điều 206, khoản 1 Điều 241 của Luật Tổ tụng hành chính; khoản 3, Điều 58 Nghị Định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007; khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; khoản 1 Điều 14 Thông tư số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014; Quyết định số 30/2005/QĐ-BTC ngày 26/5/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; Điều 14 Quyết định số 31/2005/QĐ-UB ngày 25/4/2005 và Điều 20 Quyết định 02/2010/QĐ-UBND ngày 22/01/2010 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Võ Đình S và ông Võ Đình Phương là người đại diện theo uỷ quyền của những người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2022/HC-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đình Tr, bà Lê Thị Q, bà Nguyễn Thị D, ông Nguyễn Đình M.

Buộc UBND thành phố B phải chi trả khoản tiền bồi thường, hỗ trợ còn thiếu tại Quyết định phê duyệt phương án số 1256/QĐ-UBND ngày 18/5/2009 của UBND thành phố B cho ông Nguyễn Đình Tr số tiền 692.613.560 đồng, bà Lê Thị Q số tiền 731.284.776 đồng, bà Nguyễn Thị D số tiền 486.398.455 đồng, ông Nguyễn Minh C số tiền còn lại là 274.597.784 đồng theo đúng quy định của pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Lê Thị Q, ông Nguyễn Đình Tr, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị Thu H1, ông Nguyễn Đình M, ông Nguyễn Minh C về việc buộc UBND thành phố B chi trả thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của luật quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

2. Về án phí: người kháng cáo là những người đã nộp tạm ứng án phí là ông Nguyễn Đình M, Nguyễn Thị Hằng, Nguyễn Minh C mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền đã nộp tại các biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0021884 ngày 21/9/2022; AA/2021/00882 và 0021883 ngày 20/9/2022 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Minh Tuấn